

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Kê D, tổ E, ấp F, đường kênh G, xã H, huyện K, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phùng Đặng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số L, hẻm M, khóm N, phường O, thành phố X, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N tự nguyện quen biết, tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố X, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2/2012, quyển số 01/2012, ngày 11/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên rượu chè, bạo hành gia đình, đánh đập bà L. Bà L nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung tên Phùng Lê Minh K, sinh ngày 06/06/2012, hiện đang do ông N nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bà L đề nghị để cháu K tiếp tục sống với ông N.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phùng Đăng N không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Bích L và ông Phùng Đăng N là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên phải tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

[1.3] Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa bà L và ông N xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, căn cứ để bà yêu cầu do do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông N thường xuyên rượu chè, bạo hành gia đình, đánh đập bà L. Xét thấy, qua phần trình bày của bà L, ông N không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện nguyện vọng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông N không đến tham gia. Do đó, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 01 con chung chưa thành niên tên Phùng Lê Minh K, sinh ngày 06/06/2012 hiện đang do ông N nuôi dưỡng. bà L đề nghị để cháu K tiếp tục do ông N nuôi dưỡng, tránh xáo trộn cuộc sống của cháu K nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Ông N không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L. Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Phùng Đăng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172 ngày 11/8/2012 do UBND phường P, thành phố X, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

Có 01 con chung chưa thành niên tên Phùng Lê Minh K, sinh ngày 06/06/2012. Sau khi ly hôn, ông N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông N không yêu cầu cấp dưỡng.

Ông N phải tạo điều kiện cho bà L trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà L có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, được khấu trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001224 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

Ông N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt

